TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quý;

2. Ông Đỗ Khắc Kiếm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị O, sinh năm 1982;

ĐKHKTT: Số nhà 08/43 đường H, Phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 05/120 phố 1, phường C, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 08/43 đường H, Phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị O, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị O trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh T vào tháng 7 năm 2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại số nhà 08/43 đường H, Phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh

phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, cờ bạc lô đề, không lo làm ăn, chửi bới đánh đập vợ con. Chị và các con phải đi thuê nhà để ở, sau đó chuyển về nhà ngoại từ tháng 01 năm 2023 đến nay, còn anh T ở nhờ nhà chị gái. Mặc dù chị đã cố gắng nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 08/8/2000 và cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 20/02/2007. Cháu T1 đã thành niên nên chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị O đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp cháu M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 09/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T xét thấy đang còn tình cảm với vợ con và cần có người chăm sóc sau này khi về già nên anh không đồng ý ly hôn với chị O

- Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 08/8/2000 và cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 20/02/2007. Cháu T1 đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong trường hợp ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và các phiên hòa giải, anh T có tham gia, thể hiện quan điểm và ý kiến tuy nhiên không ký vào các biên bản.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình, kết quả thể hiện: Quá trình vợ chồng chị O và anh T chung sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, đánh đập vợ con, địa phương đã khuyên giải nhưng không được. Vì anh T hay chơi cờ bạc nên vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế. Hiện tại chị O và các con đang phải đi ở trọ còn anh T ở nhờ nhà người thân. Nay chị O làm đơn khởi kiện ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị O và anh T có 02 người con như anh chị đã trình bày

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải, anh T tham gia nhưng không ký vào các biên bản, tại phiên tòa hôm nay anh T không chấp hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Chị O phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải, anh T tham gia nhưng không ký vào các biên bản là không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị O và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của các đương sự và xác minh tại địa phương, gia đình cho thấy quan hệ vợ chồng giữa chị O và anh T có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến việc giữa vợ chồng xảy ra va chạm và kinh tế gia đình giảm sút. Anh chị và các con phải đi ở nhờ hoặc ở trọ. Hiện chị O và anh T đã ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Anh T nêu quan điểm không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại các buổi hòa giải cũng như quá trình giải quyết vụ án, anh T không thể hiện được thiện chí và không đưa ra được phương án để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cũng như thuyết phục chị O quay về đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành phân tích, hòa giải cho anh chị nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị O vẫn giữ nguyên quan điểm về việc tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T đã đến mức trầm trọng, nếu buộc vợ chồng quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng khó có thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị O được ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 08/8/2000 và cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 20/02/2007. Cháu T1 đã thành niên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu M, từ khi anh chị ly thân, cháu ở với chị O. Chị O vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc, giáo dục cháu. Cháu M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu M cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không có công việc ổn định, chị O cũng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá T1, sinh ngày 08/8/2000 và cháu Nguyễn Thị Xuân M, sinh ngày 20/02/2007. Cháu T1 đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ly hôn, giao cháu M cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002593 ngày 30/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (Chị O đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường Đ, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh